

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi
nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên
hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, về việc ban hành đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 4647/NBC-CCVC ngày 18/9/2018 của Bộ Nội vụ về việc tăng chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức năm 2018 của tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình 808/TTr-SNV ngày 23/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách 12 thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự kỳ thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương tỉnh Đắk Lắk năm 2018; chi tiết tại danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội đồng thi nâng ngạch lên chuyên viên hoặc tương đương năm 2018, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH (HT-20b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Ninh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**



**DANH SÁCH BỔ SUNG CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI NÂNG NGẠCH
LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Đặng Hiệp	1980		Cán sự Phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Cư Kuin	14 năm	3,34	01.004	Cử nhân kế toán	Sơ cấp	Chuyên viên	B	C				Tiếng Anh	
2	Lê Sỹ Ngọc Hiền		1982	Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND huyện Cư Kuin	11 năm	3,03	01.004	Đại học Quản lý Văn hóa	Đang học Trung cấp	Chuyên viên	A	B			Chứng chỉ tiếng Ê đê		
3	Phạm Trung Cộng	1971		Trưởng Đài Truyền thanh huyện	UBND huyện Cư Kuin	11 năm	2,72	01.004	Cử nhân Luật	Đang học Trung cấp	Chuyên viên	UD CNTT Cơ bản	CC tiếng Ê đê			Chứng chỉ tiếng Ê đê		
4	Nguyễn Quý Lương	1968		Nhân viên Thanh tra Sở	Sở Giao thông vận tải	14 năm	4,06+0,01	01.005	Cử nhân Luật		Chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
5	Nguyễn Như Tuấn	1980		Cán sự	Sở Giao thông vận tải	10 năm	3,34	01.004	Kỹ sư Xây dựng cầu đường		Chuyên viên	B	B			Chứng chỉ tiếng Ê đê		
6	Bùi Thị Mỹ		1985	Cán sự Chi cục Bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	8 năm	2,72	01a.003	Đại học Luật		Chuyên viên	A	B				Tiếng Anh	
7	Lê Tuấn Anh	1982		Cán sự phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Buôn Đôn	10 năm	2,66	01.004	Đại học Luật		Chuyên viên	UD CNTT Cơ bản	B				Tiếng Anh	
8	Nguyễn Thị Thắm		1988	Cán sự Ban Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	6 năm 6 tháng	2,72	01.004	Đại học Hành chính		Chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	

WV

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
9	Nguyễn Thị Thanh		1987	Cán sự Chi cục Văn thư - Lưu trữ	Sở Nội vụ	8 năm	2,72	01.004	Đại học Hành chính		Chuyên viên	B	A, Chứng chỉ tiếng Ê đê			Chứng chỉ tiếng Ê đê		
10	H' Lý Niê		1980	Cán sự	Văn phòng UBND tỉnh	7 năm	3,26	1.004	Đại học Hành chính		Chuyên viên	B	B			DTTS tại chỗ		
Tổng cộng 10 trường hợp																		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

OK

**DANH SÁCH BỔ SUNG CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI NÂNG NGẠCH
LÊN NGẠCH KẾ TOÁN VIÊN NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Thị Hà		1985	Công chức phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	Ủy ban nhân dân huyện M'Drăk	11 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học Kế toán		Kế toán viên	B	B; CC Ê đê			CC Ê đê		
Tổng cộng 01 trường hợp																		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**DANH SÁCH BỔ SUNG CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI NÂNG NGẠCH
LÊN NGẠCH KIỂM LÂM VIÊN NĂM 2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2991/QĐ**-UBND ngày **05/11/2018** của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Văn Quân	1974		Nhân viên Hạt kiểm lâm Buôn Đôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5 năm	3,06	10.228	Đại học Lâm sinh	Sơ cấp	Kiểm lâm viên	B	B				Tiếng anh	
Tổng cộng 01 trường hợp																		